|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****THÀNH PHỐ HÀ NỘI**Số: /2025/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội**

*(Thực hiện Điều 25 Luật thủ đô)*

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**KHÓA …, NHIỆM KỲ…, KỲ HỌP THỨ…**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV ngày 19 tháng 2 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ "Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Xét Tờ trình số......../TTr-UBND ngày ......tháng.....năm 2025 của UBND Thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của Ban ....... - Hội đồng nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội (thực hiện Điều 25 Luật Thủ đô).*

**CHƯƠNG I**

 **QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chi tiết về tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép, điều chỉnh gia hạn và kết thúc việc thử nghiệm có kiểm soát; cơ chế hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; chính sách khuyến khích, hỗ trợ thử nghiệm; kiểm soát rủi ro trong quá trình thử nghiệm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của thành phố Hà Nội.

2. Tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có giải pháp công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới có tính đổi mới sáng tạo theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Luật Thủ đô.

3. Khu công nghệ cao,Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia, Trung tâm đổi mới sáng tạo thành phố Hà Nội, Vườn ươm công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Hà Nội, Sàn giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội, Trung tâm công nghiệp văn hóa thành phố Hà Nội, các không gian thử nghiệm có kiểm soát khác do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

4. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định tại Khoản 7 Điều 25 Luật Thủ đô 2024.

5. Chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động triển khai, giám sát, hỗ trợ và quản lý thử nghiệm có kiểm soát.

6. Người dùng sản phẩm thử nghiệm, cộng đồng dân cư trong không gian vật lý thử nghiệm có kiểm soát, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quá trình thử nghiệm có kiểm soát.

**Điều 3: Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Sản phẩm thử nghiệm* là sản phẩm, công nghệ, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới được tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thực hiện thử nghiệm có kiểm soát theo điều kiện, tiêu chí và quy định tại Nghị quyết này.

2*. Phương án thử nghiệm* là tập hợp đề xuất thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm thử nghiệm trên không gian thử nghiệm có kiểm soát, phương pháp thử nghiệm cụ thể, trong khoảng thời gian xác định, đáp ứng các điều kiện, tiêu chí và quy định tại Nghị quyết này.

3. *Không gian thử nghiệm có kiểm soát* là không gian vật lý thử nghiệm có kiểm soát, không gian mạng thử nghiệm có kiểm soát.

4. *Không gian vật lý thử nghiệm có kiểm soát* là khu vực địa lý cụ thể hoặc cơ sở hạ tầng kỹ thuật (phòng thí nghiệm, tòa nhà, tuyến phố, khu phát triển thương mại văn hoá, trung tâm công nghiệp văn hoá, cơ sở y tế, giáo dục, giao thông, v.v...) được bố trí và kiểm soát có chủ đích nhằm hỗ trợ triển khai các sản phẩm thử nghiệm trong điều kiện thực tế, với sự cho phép và kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. *Không gian mạng thử nghiệm có kiểm soát* là môi trường số được thiết kế như hệ thống vận hành chính thức, nhằm cho phép triển khai, vận hành, mô phỏng, kiểm chứng các giải pháp, công nghệ số, phần mềm, dữ liệu hoặc mô hình tương tác trong môi trường an toàn, có kiểm soát trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

6. *Tổ chức thực hiện thử nghiệm* là tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thực hiện thử nghiệm, được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát.

7. *Hội đồng thẩm định* là tổ chức được cơ quan có thẩm quyền thành lập, bao gồm các thành viên thuộc các cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia, nhà khoa học và các thành viên độc lập khác có liên quan đến sản phẩm thử nghiệm để thẩm định, đánh giá nội dung phương án, quá trình, kết quả thử nghiệm có kiểm soát.

8. *Người dùng* là các cá nhân, tổ chức được tham gia sử dụng công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, tham gia mô hình kinh doanh mới được thử nghiệm có kiểm soát.

**Điều 4. Mục tiêu của thử nghiệm có kiểm soát**

1. Tạo lập môi trường thử nghiệm (bao gồm môi trường thể chế, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, tài chính) để hỗ trợ xây dựng, phát triển các sản phẩm thử nghiệm phù hợp với nhu cầu của thị trường, đánh giá rủi ro, chi phí, lợi ích của các giải pháp thử nghiệm, qua đó thúc đẩy ứng dụng và thương mại hóa các sản phẩm thử nghiệm mới mang lại giá trị, hiệu quả cao về kinh tế - xã hội.

2. Góp phần hình thành và phát triển khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

3. Xây dựng và hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật mới, cơ chế giám sát, hỗ trợ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường cho sản phẩm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật về các lĩnh vực, nội dung có liên quan làm cơ sở cho việc áp dụng chính thức các sản phẩm công nghệ, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới đã được thử nghiệm.

**Điều 5. Nguyên tắc cho phép và thực hiện thử nghiệm có kiểm soát**

1. Tuân thủ pháp luật, phù hợp chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Thủ đô.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng giữa các tổ chức, doanh nghiệp; có thể đánh giá và đo lường kết quả đầu ra, hiệu quả thực tế của sản phẩm thử nghiệm.

3. Bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội; quyền lợi của người dùng, lợi ích của xã hội; tuân thủ quy định về an toàn thông tin, bảo mật, an toàn dữ liệu, quyền riêng tư, phân tích, dự báo các rủi ro, có kế hoạch đảm bảo an toàn, hạn chế cao nhất các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thử nghiệm.

4. Phạm vi thời gian, không gian thử nghiệm phải được lựa chọn, giới hạn cụ thể để hạn chế rủi ro đến đời sống kinh tế - xã hội. Thử nghiệm có kiểm soát trong môi trường không gian mạng phải áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp để giới hạn trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, không thực hiện thử nghiệm xuyên biên giới.

5. Tổ chức thực hiện thử nghiệm chỉ được cung cấp các sản phẩm thử nghiệm trong phạm vi, không gian thử nghiệm quy định tại giấy phép thử nghiệm có kiểm soát, không thử nghiệm sản phẩm trái đạo đức xã hội.

6. Ưu tiên thử nghiệm cho các lĩnh vực trọng điểm về khoa học công nghệ của Thủ đô theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.

7. Tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

# **Điều 6. Thời gian thử nghiệm có kiểm soát**

1. Thời hạn thực hiện thử nghiệm có kiểm soát tối đa là 03 năm tùy từng sản phẩm thử nghiệm và lĩnh vực thử nghiệm cụ thể, tính từ thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thử nghiệm;có thể được gia hạn một lần không quá 03 năm.

2. Thời hạn của Giấy phép thử nghiệm không được vượt quá thời hạn hiệu lực của một trong các loại giấy tờ sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động;

b) Giấy phép thành lập, giấy phép hoạt động chuyên ngành do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

c) Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư (đối với tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài);

d) Văn bản cho phép hoạt động hoặc quyết định thành lập tổ chức (đối với tổ chức sự nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ)

**Điều 7. Lĩnh vực ưu tiên thử nghiệm có kiểm soát**

1. Lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô được ưu tiên thử nghiệm có kiểm soát bao gồm công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo - tự động hóa, công nghệ môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ giáo dục, công nghệ y tế, đô thị thông minh, môi trường, công nghệ tài chính, nông nghiệp công nghệ cao.

 2. Thử nghiệm có kiểm soát các sản phẩm thử nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá.

3. Các lĩnh vực ưu tiên cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo từng giai đoạn và được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục theo thẩm quyền.

**Điều 8. Các hành vi bị cấm**

1. Tổ chức thực hiện thử nghiệm cung cấp giải pháp công nghệ vượt quá phạm vi, không gian thử nghiệm được cấp phép.

2. Lạm dụng dữ liệu người dùng tham gia quá trình thử nghiệm vào mục đích khác ngoài phạm vi, không gian thử nghiệm được cho phép.

4. Hành vi quảng cáo không đúng hoặc gây nhầm lẫn về khả năng kinh doanh; khả năng cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tổ chức thực hiện thử nghiệm.

5. Lợi dụng hoạt động, kết quả khoa học và công nghệ trong thử nghiệm có kiếm soát để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người; trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

6. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả thử nghiệm có kiểm soát.

7. Tiết lộ tài liệu, kết quả của hoạt động khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước; lừa dối, giả mạo trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; công bố thông tin không chính xác về hoạt động thử nghiệm và kết quả thử nghiệm

8. Tiến hành thử nghiệm, nghiên cứu liên quan đến sản xuất các sản phẩm bị cấm theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG II**

**TIÊU CHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP PHÉP, ĐIỀU CHỈNH PHẠM VI, GIA HẠN, CHẤM DỨT,**

**HOÀN THÀNH THỬ NGHIỆM**

**Điều 9. Tiêu chí và điều kiện lựa chọn**

1. Tiêu chí lựa chọn sản phẩm thử nghiệm bao gồm:

a) Có tính đổi mới sáng tạo về khoa học công nghệ, dịch vụ, mô hình kinh doanh, có khả năng tạo ra giá trị mới, có tiềm năng triển khai thực tiễn để giải quyết các vấn đề cấp bách của Thành phố.

b) Pháp luật chưa quy định, chưa cho phép thực hiện hoặc quy định hiện hành của pháp luật không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của sản phẩm thử nghiệm tạo ra khoảng trống hoặc rào cản pháp lý đối với quá trình triển khai sản phẩm trên thực tế, do đó cần thiết phải thử nghiệm trong không gian có kiểm soát làm cơ sở để cơ quan nhà nước xem xét, đánh giá tác động, từ đó kiến nghị hoàn thiện chính sách pháp luật liên quan trước khi quyết định đưa vào ứng dụng chính thức.

c) Có triển vọng mang lại hiệu quả tích cực về kinh tế – xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao chất lượng đời sống, cải thiện dịch vụ công hoặc nâng cao năng lực quản lý đô thị, môi trường, giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội. Không thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, biến đổi hoặc chỉnh sửa gen người, hoặc có nguy cơ xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục~~.~~

d) Có phương án thử nghiệm rõ ràng, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, phạm vi, không gian, thời gian, đối tượng, quy trình triển khai, các chỉ số đánh giá hiệu quả; đồng thời phải có nội dung phân tích và quản trị rủi ro đối với người dùng, cộng đồng, thị trường, cơ quan quản lý và các bên liên quan khác; có cam kết bằng văn bản về việc đảm bảo an toàn cho người dùng và cộng đồng trong phạm vi và không gian thử nghiệm, có cơ chế giải quyết khiếu nại của người dùng, phạm vi và phương án bồi thường thiệt hại nếu có rủi ro phát sinh trong quá trình thử nghiệm; cung cấp thông tin, tài liệu chứng minh năng lực phù hợp với phương án thử nghiệm, có lộ trình cụ thể cho giai đoạn phát triển sản phẩm thử nghiệm sau khi kết thúc thử nghiệm.

đ) Phạm vi, không gian thử nghiệm bảo đảm khả năng kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với năng lực chuyên môn, nguồn lực giám sát và cơ chế phối hợp hiện có; ưu tiên đối với sản phẩm thử nghiệm triển khai trong phạm vi khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp văn hoá. Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia, Trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố.

2. Tổ chức thực hiện thử nghiệm có sản phẩm thử nghiệm theo tiêu chí tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, Tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản;

b) Tổ chức thực hiện thử nghiệm phải đáp ứng các điều kiện về kỹ thuật, công nghệ, nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm việc thử nghiệm và kiểm soát được quá trình, môi trường thử nghiệm theo phương án được phê duyệt; phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng của không gian thử nghiệm đề xuất; cam kết chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 10. Trình tự, thủ tục cấp phép thử nghiệm có kiểm soát**

1. Tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát nộp hồ sơ đăng ký thử nghiệm tại Sở Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ đăng ký thử nghiệm có kiểm soát bao gồm:

a) Đơn đăng ký cấp phép thử nghiệm có kiểm soát theo biểu mẫu 01 tại Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết;

b) Bản sao Giấy phép thành lập, giấy đăng ký hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp;

c) Phương án thử nghiệm có kiểm soát theo biểu mẫu 02 tại Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết này, bao gồm cả thuyết minh về hiện trạng quy định pháp luật liên quan đến sản phẩm, hoạt động thử nghiệm và đề xuất cho phép không áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, về trình tự, thủ tục cấp phép, đảm bảo điều kiện kinh doanh và các quy định khác không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của sản phẩm thử nghiệm;

d) Đề xuất nội dung hỗ trợ kèm theo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định tại Điều 17 Nghị quyết này; các hỗ trợ khác của tổ chức, doanh nghiệp có liên quan trong quá trình thử nghiệm;

đ) Dự thảo Quy chế thử nghiệm có kiểm soát từng sản phẩm thử nghiệm theo quy định tại khoản 8 Điều 25 Luật Thủ đô và theo Mẫu đề cương quy chế thử nghiệm có kiểm soát tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Việc tiếp nhận, thẩm định, đánh giá hồ sơ đăng ký thử nghiệm có kiểm soát thực hiện như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký thử nghiệm trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Khoa học và Công nghệ có thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm bổ sung trong thời gian 03 ngày làm việc;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định. Thành phần, tiêu chí lựa chọn thành viên Hội đồng thẩm định, trình tự, nội dung thẩm định và tiêu chí đánh giá cấp phép của Hội đồng thẩm định thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này;

c) Thời hạn thẩm định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;

d) Trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu tổ chức doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm giải trình, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc. Sau thời hạn này, nếu tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm không có giải trình, bổ sung hồ sơ thì Sở Khoa học và Công nghệ trả lại hồ sơ bằng văn bản và nêu rõ lý do trả lại hồ sơ;

đ) Đối với hồ sơ được Hội đồng thẩm định đánh giá “Không đạt”, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả và nêu rõ lý do để tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm được biết.

3. Việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát thực hiện như sau:

a) Đối với các hồ sơ được Hội đồng thẩm định đánh giá “Đạt yêu cầu”, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành có nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực có liên quan đến sản phẩm thử nghiệm. Nội dung lấy ý kiến bao gồm đối tượng, phạm vi, không gian thử nghiệm, quy trình thử nghiệm, phạm vi miễn trừ, miễn áp dụng pháp luật, các rủi ro và biện pháp quản lý rủi ro, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm. Các Sở, ban, ngành có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến tham vấn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan ở Trung ương về những nội dung có liên quan đến sản phẩm thử nghiệm.

b) Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân Thành phố hồ sơ đăng ký thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này, kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định, tổng hợp ý kiến tham vấn, dự thảo văn bản của Uỷ ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu, mục đích thử nghiệm trên cơ sở đánh giá mức độ rủi do và khả năng kiểm soát đối với từng phương án thử nghiệm cụ thể.

c) Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành tại kỳ họp gần nhất Nghị quyết về phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng phương án thử nghiệm, giao Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định cấp giấy phép thử nghiệm và Quyết định ban hành Quy chế thử nghiệm có kiểm soát từng sản phẩm thử nghiệm;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành nghị quyết về phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng phương án thử nghiệm, Uỷ ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cấp giấy phép thử nghiệm, ban hành quy chế thử nghiệm có kiểm soát từng sản phẩm thử nghiệm; quyết định việc giao trách nhiệm cho cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực có liên quan.

4. Chậm nhất 60 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định cấp phép thử nghiệm, tổ chức thực hiện thử nghiệm phải triển khai thử nghiệm, tuân thủ quy chế thử nghiệm riêng đối với sản phẩm thử nghiệm được cấp phép và các quy định có liên quan.

**Điều 11. Điều chỉnh** **phạm vi, không gian thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát**

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh phạm vi, không gian thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Trong quá trình thực hiện phương án thử nghiệm, nếu có nhu cầu điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm trong phạm vi dự kiến tại phương án thử nghiệm ban đầu, điều chỉnh phạm vi, không gian thử nghiệm, tổ chức thực hiện thử nghiệm nộp đơn đề nghị điều chỉnh theo biểu mẫu 04 tại Phụ lục I và báo cáo tiến độ thực hiện;

b) Trường hợp cần gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát, trong thời hạn 30 ngày trước thời điểm hết thời hạn ghi trên giấy phép thử nghiệm, tổ chức thực hiện thử nghiệm nộp đơn đề nghị gia hạn theo biểu mẫu 05 tại Phụ lục I và báo cáo kết quả thực hiện;

c) Đơn đề nghị điều chỉnh phạm vi, không gian thử nghiệm hoặc gia hạn thời gian và hồ sơ kèm theo gửi về cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm xem xét, tiếp nhận.

2. Trình tự, thủ tục xem xét điều chỉnh, gia hạn thử nghiệm có kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận đơn đề nghị điều chỉnh phạm vi, không gian thử nghiệm hoặc gia hạn thời gian thử nghiệm của tổ chức thực hiện thử nghiệm, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thành lập Hội đồng thẩm định đồng thời xin ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan về việc điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm, phạm vi, không gian thử nghiệm, hoặc gia hạn thời gian thử nghiệm.

Thành phần Hội đồng thẩm định phải bảo đảm có ít nhất 1/2 số thành viên đã tham gia Hội đồng thẩm định đánh giá phê duyệt phương án thử nghiệm ban đầu.

b) Trên cơ sở tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng thẩm định và ý kiến các đơn vị có liên quan, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quyết định về việc điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm, phạm vi, không gian thử nghiệm hoặc gia hạn thời gian thử nghiệm;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định về việc điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm, phạm vi, không gian thử nghiệm hoặc gia hạn thời gian thử nghiệm.

Trường hợp không đồng ý điều chỉnh sản phẩm, phạm vi, không gian thử nghiệm hoặc gia hạn thời gian thử nghiệm thì cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo bằng văn bản để tổ chức thực hiện thử nghiệm được biết để giữ nguyên sản phẩm thử nghiệm, phạm vi, không gian thử nghiệm và thời hạn kết thúc phương án thử nghiệm.

**Điều 12. Chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát**

1. Các vi phạm và các trường hợp hoặc điều kiện phải được xem xét, đánh giá để chấm dứt thử nghiệm bao gồm:

a) Vi phạm các điều kiện, tiêu chí đã cam kết trong phương án thử nghiệm;

b) Giải pháp thử nghiệm không đáp ứng được các tiêu chí thử nghiệm theo đánh giá của cơ quan quản lý; có hành vi gian lận hoặc cung cấp thông tin sai lệch về kết quả thử nghiệm;

c) Việc thử nghiệm gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng, môi trường hoặc an ninh trật tự xã hội mặc dù tổ chức thực hiện thử nghiệm đã áp dụng các biện pháp cần thiết theo cam kết trong phương án thử nghiệm để hạn chế tác động;

d) Xuất hiện những rủi ro theo đánh giá của các cơ nhà nước có thẩm quyền có liên quan là nghiêm trọng, có khả năng gây thiệt hại thực tế lớn tới bên tham gia thử nghiệm, người dùng và các bên liên quan hoặc gây bất ổn cho thị trường; các sự cố về kỹ thuật không thể khắc phục;

đ) Xảy ra thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh dẫn đến không thể hoàn thành thử nghiệm;

e) Trường hợp có bản án, quyết định thi hành án, hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngoài phạm vi, không gian thử nghiệm có hiệu lực pháp luật, nếu các quyết định này liên quan trực tiếp đến hoạt động thử nghiệm được triển khai hoặc gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dùng và các bên liên quan đến hoạt động thử nghiệm có kiểm soát;

g) Sau 60 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép tham gia thử nghiệm có kiểm soát, tổ chức thực hiện thử nghiệm không triển khai thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;

h) Tổ chức thực hiện thử nghiệm tự nguyện rút khỏi thử nghiệm và chấm dứt hoạt động thử nghiệm;

i) Tổ chức thực hiện thử nghiệm chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật;

k) Thay đổi một trong các nội dung sau: người đại diện theo pháp luật, thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi tổ chức, doanh nghiệp của tổ chức thực hiện mà tổ chức, doanh nghiệp kế thừa, tiếp quản không cam kết kế thừa các nghĩa vụ, trách nhiệm để tiếp tục thực hiện phương án thử nghiệm.

Các tổ chức thực hiện thử nghiệm bị chấm dứt phương án thử nghiệm tự chịu trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động của mình.

2. Trình tự, thủ tục chấm dứt thử nghiệm được thưc hiện như sau:

a) Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thông báo bằng văn bản tạm dừng hoạt động thử nghiệm có kiểm soát, trong đó nêu rõ lý do tạm dừng;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản tạm dừng thử nghiệm, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thành lập Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá việc dừng, chấm dứt thử nghiệm. Thành viên Hội đồng thẩm định phải bảo đảm có ít nhất 1/2 thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá phê duyệt phương án thử nghiệm ban đầu;

c) Trên cơ sở ý kiến thẩm định, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức thực hiện thử nghiệm về lý do chấm dứt thử nghiệm, yêu cầu tổ chức thực hiện thử nghiệm khắc phục vi phạm và báo cáo kết quả khắc phục, kịp thời thông báo cho người dùng về việc dừng thử nghiệm ngay khi nhận được thông báo chấm dứt thử nghiệm; dừng giới thiệu sản phẩm thử nghiệm cho người dùng mới, dừng thử nghiệm;

d) Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định chấm dứt thử nghiệm và thu hồi giấy phép thử nghiệm, thông báo các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện quyết định chấm dứt thử nghiệm;

đ) Uỷ ban nhân dân Thành phố xem xét, đánh giá các thiệt hại phát sinh và tác động kinh tế - xã hội, quyết định việc chấm dứt thử nghiệm;

e) Thông báo về việc chấm dứt thử nghiệm phải được cơ quan hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử chính thức của tổ chức thực hiện thử nghiệm, đảm bảo quyền lợi người dùng, thực hiện giải quyết khiếu nại, bồi thường cho người dùng trong trường hợp người dùng bị thiệt hại do việc chấm dứt thực hiện thử nghiệm.

**Điều 13. Hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát**

1. Tiêu chí đánh giá hoàn thành phương án thử nghiệm có kiểm soát bao gồm:

a) Mức độ đạt được mục tiêu và tiêu chí đã đề ra ban đầu: dự kiến kết quả, sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm, bao gồm các yêu cầu về kết quả đạt được và tiêu chí đánh giá trong Thuyết minh đề nghị cấp phép thử nghiệm;

b) Việc tuân thủ quy chế thử nghiệm và quy định pháp luật khác;

c) Khả năng xử lý rủi ro và giải quyết sự cố, mức độ hiệu quả của các giải pháp kiểm soát rủi ro đã áp dụng và khả năng phản ứng, giải quyết khi xảy ra sự cố;

d Kết quả thử nghiệm và giá trị thực tế do sản phẩm thử nghiệm mang lại nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn, hiệu quả kinh tế- xã hội, môi trường đối với thành phố Hà Nội và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam;

đ) Khả năng hoàn thiện sản phẩm thử nghiệm và mở rộng ứng dụng ở Việt Nam sau khi hoàn thành thử nghiệm; chiến lược, kế hoạch, giải pháp hoàn thiện và mở rộng ứng dụng theo lộ trình cho từng giai đoạn phát triển sau khi hoàn thành thử nghiệm;

e) Đề xuất hoàn thiện chính sách pháp luật từ quá trình và kết quả thử nghiệm.

2. Việc cấp giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hoàn thành thử nghiệm của tổ chức thực hiện thử nghiệm, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá kết quả thử nghiệm; lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành có liên quan; yêu cầu giải trình, làm rõ hoàn thiện báo cáo nếu cần thiết.

Thành viên Hội đồng thẩm định hoàn thành thử nghiệm phải có ít nhất 1/2 thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá phê duyệt Phương án thử nghiệm ban đầu;

b) Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm lập hồ sơ bao gồm: tờ trình về việc cấp giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, báo cáo báo cáo kết quả hoàn thành thử nghiệm của tổ chức thực hiện thử nghiệm, báo cáo của Hội đồng thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

c) Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc cấp giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm;

d) Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm được cấp cho tổ chức thực hiện thử nghiệm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí hoàn thành thử nghiệm và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí cam kết đầu ra trong thuyết minh phương án thử nghiệm.

3. Sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy chứng nhận hoàn hành thử nghiệm, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm thành lập Hội đồng đánh giá những vấn đề liên quan đến hoàn thiện pháp luật, cơ chế quản lý, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chính phủ đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật làm cơ sở cho việc áp dụng chính thức sản phẩm đã hoàn thành thử nghiệm.

Thành phần hội đồng đánh giá hoàn thiện pháp luật phải có các chuyên gia, nhà quản lý trong ngành - lĩnh vực thử nghiệm có kiểm soát, đại diện của Sở Tư pháp và bảo đảm phải có ít nhất 1/2 số lượng thành viên của Hội đồng thẩm định phương án thử nghiệm. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ mời đại diện Bộ Tư pháp và bộ có liên quan tham cuộc họp của hội đồng đánh giá hoàn thiện pháp luật.

4. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, tổ chức thực hiện thử nghiệm có sản phẩm thử nghiệm đã hoàn thành triển khai chính thức phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm hoàn thành thử nghiệm theo chiến lược, kế hoạch và giải pháp hoàn thiện, mở rộng ứng dụng sản phẩm thử nghiệm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**CHƯƠNG III**

**KIỂM TRA QUÁ TRÌNH THỬ NGHIỆM, BÁO CÁO THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM BẢO VỆ NGƯỜI DÙNG**

**Điều 14. Chế độ kiểm tra quá trình thử nghiệm**

1. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm kiểm tra tổ chức, thực hiện Phương án thử nghiệm thông qua các hoạt động sau đây:

a) Theo dõi, đánh giá hoạt động thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức thực hiện thử nghiệm thông qua các việc thu thập tài liêu, thông tin, dữ liệu gồm các hoạt động báo cáo định kỳ hoặc đột xuất; hoạt động kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức thực hiện thử nghiệm; thông tin do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác có liên quan cung cấp;

b) Đánh giá hoạt động thử nghiệm của tổ chức thực hiện thử nghiệm và các giải pháp thử nghiệm;

c) Cảnh báo, khuyến nghị đối với trường hợp phát hiện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn trong quá trình thử nghiệm bằng văn bản chuyển tới tổ chức thực hiện thử nghiệm.

2. Các hình thức kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra định kỳ các tổ chức thực hiện thử nghiệm theo giai đoạn trong thuyết minh phương án thử nghiệm được phê duyệt và quy chế quản lý riêng đối với từng phương án thử nghiệm;

b) Kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm hoặc khi tiếp nhận phản ánh từ doanh nghiệp và người dân về quá trình thử nghiệm nhằm phát hiện các vấn đề liên quan đến rủi ro cần thu thập thêm tài liệu, thông tin, dữ liệu nhằm điều chỉnh kịp thời nếu phát hiện vấn đề hoặc sai phạm;

c) Kiểm tra và giám sát các yếu tố môi trường, an toàn và ảnh hưởng kinh tế - xã hội của phương án thử nghiệm.

3. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm có quyền yêu cầu tổ chức thực hiện thử nghiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Cung cấp thông tin, báo cáo dữ liệu liên quan trong thời gian quy định;

b) Triển khai các biện pháp khắc phục, giảm thiểu thiệt hại khi có nguy cơ phát sinh sự cố;

c) Dừng thử nghiệm trong trường hợp cần đảm bảo an toàn cho người dùng hoặc cộng đồng khi tổ chức thực hiện thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu quản lý hoặc vi phạm điều kiện thử nghiệm.

**Điều 15. Chế độ báo cáo thực hiện thử nghiệm có kiểm soát**

1. Tổ chức thực hiện thử nghiệm có trách nhiệm sau đây:

a) Báo cáo định kỳ 3 tháng về tiến độ, rủi ro phát sinh (nếu có), biện pháp xử lý, kiến nghị kết quả triển khai thử nghiệm cho cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm.

 b) Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu từ cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm hoặc khi sự cố nghiêm trọng xảy ra;

 c) Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm trước thời điểm kết thúc thử nghiệm 30 ngày;

 d) Nội dung báo cáo phải trung thực, khách quan, minh bạch, đầy đủ, dễ truy xuất để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá.

2. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm có trách nhiệm sau đây:

a) Định kỳ hàng năm báo cáo Uỷ ban nhân dân Thành phố về tình hình và kết quả thực hiện các phương án thử nghiệm được giao hướng dẫn, kiểm soát hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu;

b) Báo cáo về kết quả thử nghiệm tại thời điểm kết thúc thử nghiệm, trong đó nêu rõ các lợi ích, rủi ro và yêu cầu quản lý, hoàn thiện pháp luật đối với sản phẩm thử nghiệm đã được làm rõ trong quá trình thử nghiệm.

**Điều 16. Bảo vệ người dùng, tổ chức và cá nhân khác có liên quan**

1. Đối với sản phẩm thử nghiệm dự kiến triển khai tại không gian có cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân đang hoạt động, trong quá trình xây dựng phương án thử nghiệm, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký thử nghiệm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm thử nghiệm, lợi ích dự kiến và rủi ro trong quá trình thử nghiệm, lấy ý kiến cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Trong quá trình thử nghiệm, tổ chức thực hiện thử nghiệm có trách nhiệm:

a) Xây dựng và bảo đảm tuân thủ quy chế thử nghiệm, quy trình nội bộ và các biện pháp kiểm soát rủi ro có thể dẫn tới việc truy cập hoặc sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân, gian lận và đánh cắp thông tin cá nhân của người dùng; bảo đảm, bảo mật thông tin của người dùng trong và sau quá trình thử nghiệm trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Đảm bảo thông tin chính xác, đầy đủ, trung thực về các giải pháp thử nghiệm, phí dịch vụ, quyền và nghĩa vụ của người dùng đối với từng phương án thử nghiệm; ban hành và cung cấp cho người dùng hướng dẫn khuyến cáo rủi ro khi sử dụng các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới trong thời gian thử nghiệm;

c) Định kỳ đánh giá rủi ro, bảo đảm thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quá trình thử nghiệm và kịp thời thông báo cho người dùng trong trường hợp có sự thay đổi mức độ rủi ro của phương án thử nghiệm;

d) Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại, thiệt hại đối với người dùng và cộng đồng dân cư, tổ chức thực hiện thử nghiệm có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý yêu cầu của người dùng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu tra soát, khiếu nại từ người dùng hoặc từ cộng đồng dân cư trong không gian thử nghiệm.

Chủ động tiến hành thương lượng, hoà giải với người dùng, cộng đồng dân cư trong không gian thử nghiệm và bên liên quan có tranh chấp; thực hiện bồi thường thiệt hại cho người dùng, cộng đồng dân cư trong không gian thử nghiệm theo thỏa thuận hoặc theo quy chế thử nghiệm và quy định khác của pháp luật.

3. Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng cơ chế, thiết lập đầu mối tiếp nhận, giải quyết đối với kiến nghị, phản ánh của người dùng hay, cộng đồng dân cư trong không gian thử nghiệm và bên thứ ba về quá trình thử nghiệm, sản phẩm thử nghiệm, giải quyết trong phạm vi thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết; giám sát việc thực hiện trách nhiệm giải quyết của tổ chức thực hiện thử nghiệm;

b) Trực tiếp tiếp nhận, xem xét, giải đáp các vướng mắc về pháp luật, quản lý phát sinh trong quá trình thử nghiệm phù hợp với thẩm quyền hoặc báo cáo đề xuất Uỷ ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

 **CHƯƠNG IV**

 **HỖ TRỢ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT, KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**Điều 17. Hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát**

Tổ chức thực hiện thử nghiệm được xem xét hưởng những hỗ trợ sau đây:

1. Được xem xét miễn các khoản phí, lệ phí, tiền thuê đất, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan trực tiếp đến hoạt động thử nghiệm trong không gian và thời gian thử nghiệm đã được phê duyệt.

2. Được ưu tiên sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có tại Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Hà Nội, Vườn ươm công nghệ, Sàn giao dịch công nghệ, Trung tâm công nghiệp văn hóa của Thành phố Hà Nội để thực hiện thử nghiệm có kiểm soát.

3. Được hưởng ưu đãi theo Khoản 3 Điều 43 Luật Thủ đô 2024 đối với sản phẩm thử nghiệm đã hoàn thành thử nghiệm trong lĩnh vực khoa học công nghệ trọng điểm của Thủ đô và đóng góp hiệu quả vào đổi mới sáng tạo, phát triển thị trường công nghệ, giải quyết vấn đề thực tiễn, cấp bách, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với mục tiêu sử dụng của Thành phố.

**Điều 18. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí hoạt động của các Hội đồng thẩm định được áp dụng mức chi bằng 03 (ba) lần mức chi cho hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức các nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023.

2. Nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động thử nghiệm có kiểm soát từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động thử nghiệm có kiểm soát được cấp qua quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội.

4. Các tổ chức thực hiện thử nghiệm tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động thử nghiệm, trang thiết bị phục vụ thử nghiệm, bảo đảm an ninh, bồi thường thiệt hại nếu phát sinh rủi ro trong quá trình thử nghiệm; phải hoàn trả nguyên trạng mặt bằng, cơ sở vật chất được giao sử dụng hoặc thuê sau khi kết thúc thử nghiệm có kiểm soát.

**CHƯƠNG V**

**MIỄN TRỪ, MIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT**

**Điều 19. Miễn trừ, miễn áp dụng các quy định pháp luật đối với tổ chức thực hiện thử nghiệm, cá nhân tham gia thử nghiệm**

1. Nội dung xem xét miễn trừ các quy định của pháp luật bao gồm:

a) Đối với tổ chức thực hiện thử nghiệm: Miễn trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra cho Nhà nước; loại trừ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính đối với tổ chức thực hiện thử nghiệm, cá nhân thực hiện thử nghiệm theo quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 25 Luật Thủ đô.

b) Đối với cơ quan quản lý; cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; cán bộ, công chức trực tiếp hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm: Loại trừ trách nhiệm hoặc không xử lý trách nhiệm theo các quy định tại Điểm h, Khoản 7, Điều 25, Luật Thủ đô.

c) Đối với các thành viên Hội đồng thẩm định: Loại trừ trách nhiệm hình sự; miễn trách nhiệm hành chính, dân sự nếu đã tuân thủ đầy đủ các quy định về nội dung, quy trình và trách nhiệm thẩm định của hội đồng và thành viên hội đồng khi xem xét, thẩm định phương án thử nghiệm ban đầu, điều chỉnh, gia hạn thử nghiệm nhưng kết quả thử nghiệm không đạt như kỳ vọng hoặc rủi ro gây thiệt hại xảy ra trong quá trình thử nghiệm.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập hội đồng độc lập để xem xét việc loại trừ, miễn trừ trách nhiệm đối với các cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Miễn áp dụng một số quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục cấp phép, bảo đảm điều kiện kinh doanh và các quy định không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm theo Khoản 5 Điều 25 Luật thủ đô.

4. Việc miễn trừ không được áp dụng đối với các quy định liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự xã hội và quyền lợi cơ bản của người tiêu dùng; tổ chức thực hiện thử nghiệm vẫn phải trách nhiệm pháp lý, bồi thường thiệt hại dân sự nếu để sự cố xảy ra trong quá trình thử nghiệm đã phát hiện nguy cơ rủi ro nhưng tổ chức thực hiện thử nghiệm không thông tin, báo cáo, công khai và không tiến hành các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại xảy ra.

**Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Thủ đô và quy định của Nghị quyết này.

2. Hướng dẫn việc tổ chức thi hành Nghị quyết; trong trường hợp cần thiết, ban hành thủ tục hành chính để tổ chức thi hành Nghị quyết.

3. Báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện các Phương án thử nghiệm, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung pháp luật về lĩnh vực, nội dung có liên quan làm cơ sở cho việc áp dụng chính thức các sản phẩm thử nghiệm đã hoàn thành thử nghiệm.

**Điều 21. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Tiếp nhận, tổng hợp thông tin các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tham gia thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn thành phố Hà Nội.

 2. Thành lập Hội đồng thẩm định dự án thử nghiệm có kiểm soát quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 Nghị quyết này.

3. Triển khai các chương trình tuyên truyền các chính sách thử nghiệm có kiểm soát về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố, thông qua các kênh truyền thông như báo chí, phát thanh, truyền hình và các nền tảng số.

**Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm**

1. Thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo Khoản 7 Điều 25 Luật Thủ đô 2024, Điều 14, Khoản 2 Điều 15 và Khoản 3, Điều 16 của Nghị quyết này.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế thử nghiệm riêng theo Khoản 8 Điều 25, phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định đối với từng Phương án thử nghiệm cụ thể theo Khoản 5 Điều 25, Luật Thủ đô.

**Điều 23. Trách nhiệm của Hội đồng thẩm định**

1. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm sau đây:

a) Thẩm định tiêu chí, điều kiện lựa chọn sản phẩm thử nghiệm; hồ sơ đăng ký cấp phép thử nghiệm có kiểm soát; điều chỉnh và gia hạn thử nghiệm; chấm dứt thử nghiệm; hoàn thành thử nghiệm; hoàn thiện pháp luật theo các điều kiện quy định tại Nghị quyết này.

b) Kiểm tra thực tế, đánh giá tính hợp lệ, sự phù hợp của từng phương án tham gia thử nghiệm có kiểm soát.

1. Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm sau đây:

a) Thẩm định trung thực, khách quan, công bằng; giữ bí mật các thông tin nhận được, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến thẩm định của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định.

**Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện thử nghiệm**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia thử nghiệm có kiểm soát; chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong quá trình vận hành, triển khai thử nghiệm có kiểm soát.

2. Tuân thủ quy chế thử nghiệm của sản phẩm thử nghiệm được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp phép.

3. Tuân thủ các yêu cầu về bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư, thông tin cá nhân Người dùng theo quy định của pháp luật.

4. Áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa rủi ro trong quá trình thử nghiệm; mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với những thử nghiệm có liên quan tới sức khỏe, tài sản của người dùng trong trường hợp có đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm; báo cáo cơ quan hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm ngay khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động thử nghiệm hoặc rủi ro nghiêm trọng hoặc nguy cơ lạm dụng, vượt tầm kiểm soát mà không thể khắc phục được;

5. Ban hành quy trình, quy định nội bộ đối với hoạt động thử nghiệm, bao gồm:

a) Quy trình thực hiện và trách nhiệm cụ thể của cá nhân, bộ phận trong việc xây dựng và vận hành, triển khai sản phẩm thử nghiệm;

b) Quy trình xử lý khi xảy ra sự cố, mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong trường hợp cần thiết;

c) Quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ;

d) Quy định về lữu trữ thông tin, bảo mật thông tin Người dùng, biện pháp chống lộ, lọt thông tin các nhân;

đ) Quy định về trách nhiệm của tổ chức thực hiện thử nghiệm trong việc giải quyết các khiếu nại, tranh chấp giữa các bên liên quan đến việc cung ứng giải pháp thử nghiệm;

e) Quy định về phòng ngừa rủi ro, bảo đảm an toàn, kiểm tra, giám sát hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống lưu trữ thông tin; xây dựng phương án, giải pháp ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố.

**Điều 25. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, chính quyền cấp xã và các đơn vị có liên quan của Thành phố**

1. Các sở, ban, ngành Thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp tham gia ý kiến thẩm đinh, đánh giá sản phẩm thử nghiệm; phối hợp thẩm định hồ sơ đề nghị tham gia thử nghiệm;

b) Phối hợp kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong quá trình thử nghiệm theo quyết định giao nhiệm vụ của Uỷ ban nhân dân Thành phố và đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm;

b) Tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động thử nghiệm, tham gia thực hiện các phương án thử nghiệm theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

3. Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội, Vườn ươm công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo Hà Nội, Sàn giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội, Trung tâm công nghiệp văn hoá thành phố Hà Nội có trách nhiệm phối hợp tạo điều kiện, hỗ trợ tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát và kết nối với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo trong phạm vi quản lý.

4. Chính quyền cấp xã có trách nhiệm hỗ trợ các tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn quản lý, tạo điều kiện về mặt bằng thử nghiệm, đảm bảo an ninh, an toàn, phối hợp giám sát trong thời gian thử nghiệm có kiểm soát.

**CHƯƠNG VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

 **Điều 26: Trách nhiệm thi hành**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp giám sát việc tổ chức, triển khai, thực hiện.

3. Trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh nội dung của Nghị quyết, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 27. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khóa , kỳ họp thứ ….. thông qua ngày ….. tháng …. năm 2025./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ủy ban thường vụ Quốc hội;- Uy ban Tài chính - Ngân sách Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tài chính; Tổng Cục Thống kê;- Bộ Khoa học và Công nghệ;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Thường trực Thành ủy;- Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;- Ủy ban nhân dân Thành phố: CT, các PCT;- Ban Thường trực ủy ban MTTQVN Thành phố;- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;- Đại biểu HĐND Thành phố;- Văn phòng Thành ủy TP. Hà Nội;- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP. Hà Nội;- Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội;- Các sở, ban, ngành Thành phố Hà Nội;- Ban Pháp chế HĐND Thành phố;- TT HĐND, UBND xã, phường;- Trung tâm thông tin điện tử Thành phố;- Lưu: VT. | **TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****CHỦ TỊCH** |

**Phụ lục I**

**BIỂU MẪU TRIỂN KHAI THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND của HĐND Thành phố)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **BIỂU MẪU** | **TÊN BIỂU MẪU** |
| 1 | *Biểu mẫu 01* | *Đơn đăng ký cấp phép thử nghiệm có kiểm soát* |
| 2 | *Biểu mẫu 02*  | *Phương án thử nghiệm có kiểm soát* |
| 3 | *Biểu mẫu 03* | *Báo cáo tiến độ thực hiện thử nghiệm có kiểm soát* |
| 4 | *Biểu mẫu 04* | *Đơn đề nghị điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm có kiểm soát* |
| 5 | *Biểu mẫu 05* | *Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát* |
| 6 | *Biểu mẫu 06* | *Báo cáo kết thúc thử nghiệm có kiểm soát* |
| 7 | *Biểu mẫu 07* | *Quyết định cấp giấy phép thử nghiệm có kiểm soát* |
| 8 | *Biểu mẫu 08* | *Quyết định điều chỉnh phạm vi/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát* |
| 9 | *Biểu mẫu 9* | *Quyết định chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát* |
| 10 | *Biểu mẫu 9* | *Quyết định đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát* |
| 11 | *Biểu mẫu 10* | *Quyết định hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát* |

***Biểu mẫu 01: Đơn đăng ký cấp phép thử nghiệm có kiểm soát***

*(Áp dụng cho tổ chức, doanh nghiệp)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội

.......................(Tên tổ chức đề nghị) đề nghị............ xem xét cấp phép thử nghiệm có kiểm soát công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới với nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin chung:
2. Tên đơn vị đăng ký: ...........................................
3. Địa chỉ trụ sở chính: ..........................................
4. Mã số doanh nghiệp: .........................................
5. Người đại diện theo pháp luật:
* Họ và tên:........................................................
* Chức vụ: ..........................................................
* Số điện thoại liên hệ: .........................................

- Email liên hệ: ....................................................

2.Thông tin về giải pháp công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đăng ký thử nghiệm có kiểm soát:

- Tên giải pháp: ...................................................

- Mô tả giải pháp: ................................................

- Phạm vi, không gian thử nghiệm (địa lý, đối tượng Người dùng...): ..............

- Thời gian dự kiến thử nghiệm: ...............................

- Kế hoạch quản lý rủi ro và biện pháp khắc phục: ............

- Cam kết tuân thủ quy định pháp luật và quy định thử nghiệm

Chúng tôi cam đoan các thông tin nêu tại Đơn đề nghị ngày, Thuyết minh kèm theo và các hồ sơ gửi đến.... là hoàn toàn đúng sự thật, chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin cung cấp và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình tham gia thử nghiệm.

Kính đề nghị quý cơ quan quan tâm xem xét./.

**Đại diện đơn vị đăng ký**

 (Ký tên, đóng dấu)

***Biểu mẫu 02: Phương án thử nghiệm có kiểm soát***

*(Áp dụng cho tổ chức, doanh nghiệp)*

**PHƯƠNG ÁN THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM**

**1. Thông tin chung:**

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....................................               Email:.........................................

Website (*nếu có*):

Đại diện theo pháp luật: ................................  Chức vụ: ................................

Thông tin người liên hệ (*tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email*).

**2. Mô tả về tổ chức**

a) Mô tả bộ máy, cơ cấu tổ chức

b) Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính

c) Sản phẩm chính (*nếu có*)

d) Người dùng và các bên liên quan chính (*như* *Người dùng trực tiếp, Người dùng gián tiếp, nhà cung ứng, đối tác, bên cộng tác…*)

đ) Giới thiệu về năng lực của tổ chức

- Mô tả cụ thể về cơ sở vật chất, hạ tầng hiện có (*như công nghệ, thiết bị, máy móc, văn phòng, nhà xưởng, tài sản sở hữu trí tuệ chính*…)

- Mô tả nhân lực, lực lượng lao động hiện có

- Mô tả về đội ngũ nhân sự chính tham gia trong quá trình thử nghiệm (*năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế, các thành tích đã đạt được nếu có…*)

- Thông tin về các thành tựu đạt được, các giải thưởng đã đạt được của tổ chức, nhân sự chính của tổ chức (*nếu có*)

- Vốn hiện có

- Các khoản đầu tư huy động được (*nếu có*)

e) Tình trạng pháp lý

- Thông tin về giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Tình hình chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

**II. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ/SẢN PHẨM/DỊCH VỤ/MÔ HÌNH KINH DOANH MỚI ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM**

1. Tên công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đề nghị cấp phép thử nghiệm

2. Tính cần thiết phải thử nghiệm có kiểm soát

a) Tổng quan các nghiên cứu hoặc ứng dụng giải pháp công nghệ có liên quan đã được thực hiện bởi tổ chức đề nghị cấp phép hoặc các tổ chức khác trong và ngoài nước

b) Các tồn tại, hạn chế, các vấn đề đặt ra cần phải giải quyết

c) Lý do cần phải thử nghiệm theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát: thuyết minh về hiện trạng pháp luật liên quan sản phẩm và những vướng mắc về pháp lý trong việc triển khai thực hiện sản phẩm trên thực tế

3. Mục tiêu của việc thử nghiệm

4. Mô tả về công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đề nghị cấp phép thử nghiệm

a) Mô tả công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đăng ký tham gia thử nghiệm, trong đó thể hiện: tính mới hoặc áp dụng công nghệ mới hoặc có tính đổi mới sáng tạo của giải pháp; mô hình mô phỏng giải pháp hoặc bản trình diễn thử (nếu có)

- Đối với dịch vụ, mô hình kinh doanh mới: Cần mô tả cụ thể mô hình dịch vụ, mô hình kinh doanh, đối tượng người dùng, đối tác dự kiến; sự liên kết, tương tác giữa tổ chức với người dùng và đối tác; chi phí, lợi nhuận dự kiến; phương án quản lý tài chính đối với tổ chức và đối với Người dùng, đối tác.

- Dự kiến những điều chỉnh có thể xảy ra đối với sản phẩm thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm.

b) Dự kiến kết quả, sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm (*bao gồm các yêu cầu về kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá)*

c) Người dùng tiềm năng, đối tượng thụ hưởng

d) Giá trị, lợi ích của kết quả, sản phẩm; hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường

5. Yêu cầu về nguồn lực, hệ thống cơ sở hạ tầng, kỹ thuật đối với thử nghiệm

6. Yêu cầu về cơ chế quản lý, giám sát đối với cơ quan quản lý, cơ quan, tổ chức hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm

7. Rủi ro ảnh hưởng đến tính bảo mật, an ninh, quốc phòng; lợi ích của người dùng

8. Mô tả phương án của tổ chức nhằm đáp ứng các quy định trong quá trình thực hiện thử nghiệm

**III.** **KẾ HOẠCH THỬ NGHIỆM**

1. Thời gian đề nghị thử nghiệm (tháng)

2. Địa điểm đề xuất thử nghiệm

3. Quy trình thực hiện thử nghiệm

(*Mô tả cụ thể trình tự thực hiện; mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu (nếu có); các thử nghiệm dự kiến tiến hành, tiến độ thực hiện; các yêu cầu về kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá đối với mỗi bước thử nghiệm…)*

4. Mô tả về Người dùng, đối tác có liên quan trong quá trình thử nghiệm (nếu có) (*như* *đối tượng, số lượng; giới hạn số tiền thực hiện giao dịch…*)

5. Kế hoạch cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm thử nghiệm, lợi ích dự kiến và rủi ro trong quá trình thử nghiệm, lấy ý kiến cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan.

*(Đối với sản phẩm thử nghiệm dự kiến triển khai tại không gian có cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân đang hoạt động)*

6. Dự kiến nguồn lực thực hiện.

7. Kinh phí thực hiện và khả năng đáp ứng nhu cầu về tài chính của tổ chức.

**IV. QUY TRÌNH VẬN HÀNH, QUẢN LÝ RỦI RO VÀ PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC**

1. Dự kiến các sự cố có thể phát sinh gây gián đoạn hoạt động thử nghiệm; các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình thử nghiệm

2. Mô tả phương án vận hành trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro

3. Mô tả các phương án, biện pháp khắc phục sự cố, rủi ro;

4. Mô tả phạm vi, phương thức bồi thường thiệt hại (nếu có) đối với cá nhân, tổ chức

**V. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA NGƯỜI DÙNG VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỬ NGHIỆM**

1. Tổ chức đầu mối tiếp nhận khiếu nại;

2. Thời hạn, trách nhiệm xem xét, giải quyết và phản hồi khiếu nại

**V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM SAU KHI KẾT THÚC THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT**

1. Mục tiêu phát triển sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm

2. Kế hoạch hoàn thiện sản phẩm và mở rộng ứng dụng ở Việt Nam sau khi kết thúc thử nghiệm

3. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm, giải pháp sau khi kết thúc thử nghiệm

4. Phương án phát triển sản phẩm trong trường hợp việc thử nghiệm không thành công

**VI. PHỤ LỤC THUYẾT MINH**

Danh sách các hồ sơ có liên quan nếu có (*như các bảng biểu; kết quả phân tích, kiểm nghiệm; các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ… cần minh họa hoặc hỗ trợ cho thuyết minh*)

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………,ngày .... tháng ... năm ...***TỔ CHỨC***(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)* |

***Biểu mẫu 03: Báo cáo tiến độ thực hiện thử nghiệm***

*(Áp dụng cho tổ chức thực hiện thử nghiệm)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM**

Kính gửi: *(Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm)*

1. Tên đơn vị thực hiện thử nghiệm: ...............................

2. Thời gian thực hiện báo cáo: ......................................

3. Nội dung chính của thử nghiệm:

Tên giải pháp: ...............................................

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày ... đến ngày ...

4. Tiến độ thực hiện:

Các hạng mục đã hoàn thành: ................................

Các khó khăn, vướng mắc gặp phải: ............................

Đề xuất phương án điều chỉnh (nếu có): .........................

5. Kế hoạch trong giai đoạn tiếp theo:

Thời gian và các hạng mục cần hoàn thành: ....................

Yêu cầu hỗ trợ (nếu có): ........................................

Đơn vị chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm túc các nội dung đã báo cáo và sẽ tiếp tục cập nhật đầy đủ cho Sở Khoa học và Công nghệ.

**Đại diện đơn vị thử nghiệm**

 (Ký tên, đóng dấu)

***Biểu mẫu 04: Đơn dề nghị điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm, phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm có kiểm soát***

*(Áp dụng khi cần thay đổi nội dung thử nghiệm đã được phê duyệt)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH PHẠM VI THỬ NGHIỆM,**

**KHÔNG GIAN THỬ NGHIỆM**

Kính gửi: *(Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm)*

1. Tên đơn vị đăng ký: ...........................................

2. Tên giải pháp thử nghiệm: ...................................

3. Nội dung điều chỉnh đề xuất:

Phạm vi, không gian thử nghiệm điều chỉnh: ..........................................

Lý do điều chỉnh: ...............................................

4. Tác động dự kiến của điều chỉnh:

Đối với quá trình thử nghiệm: ................................

Đối với đối tượng sử dụng dịch vụ thử nghiệm: .............

5. Kế hoạch điều chỉnh và thời gian thực hiện:

Thời gian bắt đầu áp dụng: ...................................

Các biện pháp quản lý rủi ro sau điều chỉnh: ...............

Phương pháp thử nghiệm điều chỉnh:.............

6. Tài liệu khác kèm theo (nếu có).

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm với các nội dung đề xuất điều chỉnh và thực hiện đầy đủ báo cáo theo yêu cầu.

**Đại diện đơn vị thử nghiệm**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

***Biểu mẫu 05: Đơn đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm***

*(Áp dụng khi đơn vị thử nghiệm cần gia hạn thời gian)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN THỬ NGHIỆM**

Kính gửi: *(Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin chung về tổ chức:**

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....................................               Email:.........................................

Đại diện theo pháp luật: ................................  Chức vụ: ................................

Thông tin người liên hệ (*tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email*)

**2.** **Thông tin chung về công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới thử nghiệm**

a) Tên công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đã được cấp phép thử nghiệm

b) Thông tin về quyết định cho phép thử nghiệm, giấy phép thử nghiệm (*số, cơ quan cấp, thời gian cấp, thời gian cho phép thử nghiệm*)

**3. Đề xuất gia hạn**

a) Khó khăn, hạn chế trong quá trình thử nghiệm

b) Lý do đề xuất gia hạn

c) Thời gian đề xuất gia hạn (tháng)

d) Kế hoạch thử nghiệm trong thời gian được gia hạn

(*Mô tả cụ thể trình tự thực hiện; mua sắm thiết bị, nguyên vật liệu (nếu có); các thử nghiệm dự kiến tiến hành, tiến độ thực hiện; phương pháp thử nghiệm có điều chỉnh; các yêu cầu về kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá đối với mỗi bước thử nghiệm…)*

**Đại diện đơn vị thử nghiệm**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

***Biểu mẫu 06: Thông báo kết thúc thử nghiệm***

*(Áp dụng sau khi hoàn thành thử nghiệm)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**BÁO CÁO**

**Kết thúc thử nghiệm có kiểm soát**

Kính gửi: *(Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin chung về tổ chức**

Tên:……………………………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………

Điện thoại:.....................................               Email:.........................................

Đại diện theo pháp luật: ................................  Chức vụ: ................................

Thông tin người liên hệ (*tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email*)

**2.** **Thông tin chung về công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới thử nghiệm**

a) Tên công nghệ/sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới đã được cấp phép thử nghiệm

b) Thông tin về quyết định cho phép thử nghiệm, giấy phép thử nghiệm (*số, cơ quan cấp, thời gian cấp, thời gian cho phép thử nghiệm*)

c) Địa điểm thử nghiệm

d) Mục tiêu của việc thử nghiệm

đ) Dự kiến kết quả, sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm

**II. TÌNH HÌNH THỬ NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

1. Nội dung công việc đã và đang thực hiện

a) Các công việc đã hoàn thành

b) Các công việc đang thực hiện

c) Các công việc dự kiến thực hiện (*trong trường hợp việc thử nghiệm chưa kết thúc*)

2. Kết quả đạt được

a) Mô tả kết quả, sản phẩm đạt được (*kết quả đạt được, tiêu chí đánh giá)*

b) Đánh giá mức độ đạt được so với mục tiêu đề ra

3. Kinh phí thực hiện

4. Báo cáo tình hình tuân thủ quy chế thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm

5. Báo cáo tình hình tuân thủ các nghĩa vụ và trách nhiệm trong quá trình thử nghiệm

6. Báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro trong quá trình thử nghiệm

a) Các sự cố phát sinh gây gián đoạn hoạt động thử nghiệm; các rủi ro phát sinh trong quá trình thử nghiệm

b) Kết quả áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro trong quá trình thử nghiệm

7. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm, giải pháp (*trong trường hợp đã kết thúc thử nghiệm*)

8. Khó khăn, hạn chế, thách thức trong quá trình thử nghiệm

9. Kinh nghiệm rút ra

**III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *....., ngày .... tháng ... năm ...***Tổ chức thực hiện thử nghiệm***(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu)* |

***Biểu mẫu 07: Quyết định cấp giấy phép thử nghiệm có kiểm soát***

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**Số:……/........./QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**QUYẾT ĐỊNH**

 **Về việc cấp phép thử nghiệm có kiểm soát**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm ;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày ngày 28 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát của…….;*

*Căn cứ Quyết định số……./QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;*

*Theo đề nghị của ……… theo tờ trình số…../TTr-SKHCN về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp*

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định cấp giấy phép thử nghiệm có kiểm soátvới nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1.** Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy giấy phép thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà nội.

1. Thông tin chung

a) Tên của tổ chức:

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh đối với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài

3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số….được cấp bởi... ngày…. tháng… năm…

4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

**Điều 2:** Cấp giấy phép tham gia thử nghiệm có kiểm soát

1. Tên giải pháp thử nghiệm: ........................................................................

2. Lĩnh vực: ...................................................................................................

3. Phạm vi thử nghiệm: ................................................................................

4. Địa điểm thử nghiệm: ...............................................................................

5. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày .... tháng .... năm .... đến ngày .... tháng .... năm

**Điều 3:** Điều kiện thử nghiệm

1. Tổ chức/doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng các quy định của Nghị quyết quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội và các quy định pháp luật hiện hành liên quan.

2. Tổ chức/doanh nghiệp phải tuân thủ các biện pháp kiểm soát rủi ro đã cam kết trong hồ sơ đăng ký.

3. Trong quá trình thử nghiệm, tổ chức/doanh nghiệp có nghĩa vụ báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý.

4. Thử nghiệm phải được thực hiện trong phạm vi thời gian và địa điểm đã được phê duyệt.

**Điều 4:** Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm

Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm là:………..có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Khoản 7 Điều 25 Luật Thủ đô và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội, thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như điều 5;- -- Lưu: VT,…. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)* |

***Biểu mẫu 08: Quyết định điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm /gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát***

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**Số:……/........./QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**QUYẾT ĐỊNH**

 **Về viêc điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm ;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát của…….;*

*Căn cứ Quyết định số……./QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;*

*Theo đề nghị của ……… theo tờ trình số…../TTr-… về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp*

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định điều chỉnh phạm vi/gia hạn thời gianthử nghiệm có kiểm soát với nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1.** Tổ chức, doanh nghiệp được cấp điều chỉnh phạm vi/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà nội.

1. Thông tin chung

a) Tên của tổ chức:

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh đối với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài

3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số….được cấp bởi... ngày…. tháng… năm…

4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

5. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát số….../…../QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày…. tháng… năm…

**Điều 2:** Nội dung điều chỉnh phạm vi/gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát

1. Tên giải pháp thử nghiệm: ........................................................................

2. Lĩnh vực: ...................................................................................................

3. Phạm vi thử nghiệm đã được cấp phép: ....................................................

4. Phạm vi, không gian điều chỉnh thử nghiệm được cấp điều chỉnh:……………………..

*(áp dụng đối với điều chỉnh phạm vi thử nghiệm)*

5. Địa điểm thử nghiệm: ...............................................................................

6. Thời gian thử nghiệm/gia hạn thử nghiệm *(áp dụng đối với gia hạn thời gian thử nghiệm)*: Từ ngày .... tháng .... năm .... đến ngày .... tháng .... năm

Các nội dung khác của Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / / không thay đổi.

**Điều 3:** Điều kiện thử nghiệm

1. Tổ chức/doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng các quy định của Nghị quyết quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội và các quy định pháp luật hiện hành liên quan.

2. Tổ chức/doanh nghiệp phải tuân thủ các biện pháp kiểm soát rủi ro đã cam kết trong hồ sơ đăng ký.

3. Trong quá trình thử nghiệm, tổ chức/doanh nghiệp có nghĩa vụ báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý.

4. Thử nghiệm phải được thực hiện trong phạm vi được điều chỉnh thay đổi, thời gian và địa điểm đã được phê duyệt.

5. Tổ chức thực hiện thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung được điều chỉnh/gia hạn; sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng quy định, đảm bảo tiến độ và chất lượng sau điều chỉnh/gia hạn.

**Điều 4:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng(*Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội*), thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan … chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như điều 4;- - Lưu: VT,…. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)* |

***Biểu mẫu 9: Quyết định chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát***

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**Số:...../........../QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**QUYẾT ĐỊNH**

 **Về việc chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát của…….;*

*Căn cứ Quyết định số……./QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;*

*Theo đề nghị của ……… theo tờ trình số…../TTr-…. về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp*

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định chấm dứt thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1.** Tổ chức thực hiện thử nghiệm

1. Thông tin chung

a) Tên của tổ chức:

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài

3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số….được cấp bởi... ngày…. tháng… năm…

4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

5. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát số….../…../QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày…. tháng… năm…

**Điều 2.** Chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát

  ........... chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát đối với … theo phạm vi được quy định tại Giấy chứng nhận thử nghiệm số …/QĐ-UBND ngày … tháng … năm ...

……... tiến hành kết thúc thử nghiệm có kiểm soát đối với …, hoàn trả cơ sở vật chất, mặt bằng theo quy định tại quy chế thử nghiệm có kiểm soát.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Giám đốc *Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội…*), thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như điều 3;- - Lưu: VT,…. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)* |

***Biểu mẫu 10: Quyết định đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát***

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**Số:...../........../QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**QUYẾT ĐỊNH**

 **Về việc đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm ;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát của…….;*

*Căn cứ Quyết định số……./QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;*

*Theo đề nghị của ……… theo tờ trình số…../TTr-…. về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp*

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định đình chỉ thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1.** Tổ chức thực hiện thử nghiệm

1. Thông tin chung

a) Tên của tổ chức:

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài

3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số….được cấp bởi... ngày…. tháng… năm…

4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

5. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát số….../…../QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày…. tháng… năm…

**Điều 2.** Đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát

  1. ........... đình chỉ thử nghiệm có kiểm soát đối với … theo phạm vi được quy định tại Giấy chứng nhận thử nghiệm số …/QĐ-UBND ngày … tháng … năm ...

1. Lý do dừng thử nghiệm:

3. ……... tiến hành tạm dừng thử nghiệm có kiểm soát đối với …., báo cáo cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm kết quả thử nghiệm, phối hợp cung cấp tài liệu phục vụ thẩm định.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Giám đốc *Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội..*), thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như điều 3:- -- Lưu: VT,…. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)* |

***Biểu mẫu 11: Quyết định hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát***

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**Số:...../........../QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**QUYẾT ĐỊNH**

 **Về việc hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm ;*

*Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị quyết số …./NQ-HDND ngày …. tháng …. năm ….. của HĐND thành phố Hà Nội quy định phạm vi miễn áp dụng pháp luật đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát của…….;*

*Căn cứ Quyết định số……./QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND thành phố Hà Nội quy định về danh mục, lĩnh vực ưu tiên đăng ký thử nghiệm có kiểm soát;*

*Căn cứ Báo cáo kết quả thử nghiệm có kiểm soát của ….*

*Theo đề nghị của ……… theo tờ trình số…../TTr-…. về kết quả đánh giá thử nghiệm có kiểm soát của tổ chức/doanh nghiệp*

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Quyết định hoàn thành thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1.** Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm

1. Thông tin chung

a) Tên của tổ chức:

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);

c) Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

d) Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Chi nhánh tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài

3. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số….được cấp bởi... ngày…. tháng… năm…

4. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

5. Quyết định cấp phép thử nghiệm có kiểm soát số….../…../QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày…. tháng… năm…

**Điều 2.** Chứng nhận hoàn thành thử nghiệm

  ........... đã hoàn thành thử nghiệm giải pháp … theo phạm vi được quy định tại Quyết dịnh cấp phép thử nghiệm số …/…../QĐ-UBND ngày … tháng … năm ...

……... tiến hành triển khai chính thức việc cung ứng giải pháp … ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, (*Giám đốc* *Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Trung tâm đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội),* thủ trưởng đơn vị có tên trong Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như Điều 3:- -- Lưu: VT,…. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH***(Chữ ký, dấu)* |

**Phụ lục II**

**THÀNH PHẦN, TRÁCH NHIỆM, TRÌNH TỰ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI HỒ SƠ CẤP PHÉP THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT; ĐIỀU CHỈNH, GIA HẠN, CHẤM DỨT THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT, ĐÁNH GIÁ HOÀN THÀNH THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND của HĐND Thành phố)*

**1. Thành phần Hội đồng thẩm định**

a. Thành phần của Hội đồng

Hội đồng thẩm định có tối thiểu 7-9 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 01 thư ký hành chính, ủy viên phản biện, ủy viên hội đồng

Thành viên Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, chuyên gia pháp luật và các chuyên gia, nhà khoa học, đại diện của các cơ quan quản lý, hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm sản phẩm trong từng lĩnh vực, các Sở, ban, ngành khác có liên quan.

b. Tiêu chí lựa chọn thành viên hội đồng thẩm định

- Có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực tương ứng với các sản phẩm thử nghiệm, có kinh nghiệm thực tiễn, đã tham gia đề tài, dự án, hội đồng thẩm định cấp quốc gia/ ngành/thành phố; am hiểu xu hướng công nghệ mới trong nước và quốc tế, am hiểu chính sách quản lý về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; có khả năng đánh giá đa chiều, liên ngành về kỹ thuật, pháp lý, xã hội, ứng dụng, rủi ro; có phẩm chất đạo đức tốt, trong sáng, trung lập, chính trực, bản lĩnh.

- Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên hội đồng: các cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án hoặc tham gia thử nghiệm có kiểm soát; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký thực hiện thử nghiệm có kiểm soát; cá nhân thuộc tổ chức phối hợp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát.

**2. Trách nhiệm của Hội đồng thẩm định**

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định và đánh giá hồ sơ theo các điều kiện, tiêu chí quy định tại Điều 9; điểm b, khoản 1 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 12; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị quyết này.

Các thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định trung thực, khách quan và công bằng; giữ bí mật các thông tin liên quan đến hồ sơ, nội dung, kết luận của hội đồng trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến thẩm định của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định.

**3. Trình tự thẩm định và đánh giá hồ sơ đăng ký cấp phép thử nghiệm có kiểm soát.**

**3.1. Trình tự thẩm định**

a) Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ cho thành viên Hội đồng thẩm định tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước cuộc họp Hội đồng thẩm định và đánh giá, Hồ sơ đăng ký cấp phép thử nghiệm, bao gồm: Hồ sơ, thuyết minh của dự án thử nghiệm; Phiếu ý kiến thẩm định và đánh giá.

b) Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và chuẩn bị ý kiến thẩm định trước cuộc họp Hội đồng thẩm định.

c) Phiên họp Hội đồng thẩm định:

- Phương thức họp: họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến

- Phiên họp của Hội đồng thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng.

- Chủ tịch chủ trì phiên họp Hội đồng thẩm định.

- Đại diện tổ chức đề nghị cấp phép báo cáo về giải pháp đề nghị cấp phép thử nghiệm.

- Các thành viên dự họp cho thảo luận, cho ý kiến về các nội dung sau: Thẩm định hồ sơ theo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết này; Kiểm tra thực tế về cơ sở vật chất, hạ tầng, năng lực của tổ chức thực hiện thử nghiệm; Đề nghị tổ chức thực hiện thử nghiệm giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến hồ sơ thuyết minh; Xác định các rủi ro và đề xuất biện pháp quản lý, khắc phục trong trường hợp cho phép thử nghiệm; Vấn đề về thực trạng pháp luật, miễn trừ và miễn áp dụng pháp luật; Các vấn đề cần lưu ý trong trường hợp đồng ý cho phép thử nghiệm.

- Đại diện tổ chức thực hiện thử nghiệm đề nghị cấp phép giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.

- Các thành viên Hội đồng thẩm định cho ý kiến thẩm định bằng phiếu thẩm định.

- Hội đồng thẩm định và đánh giá thống nhất kết quả thẩm định đạt yêu cầu khi có trên 3/4 thành viên tham gia thẩm định đạt yêu cầu; thống nhất kết quả thẩm định không đạt yêu cầu trong các trường hợp còn lại.

- Kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định và đánh giá được lập thành biên bản và có ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

**3.2. Trình tự đánh giá hồ sơ**

- Các thành viên Hội đồng dự họp thảo luận, cho ý kiến về các nội dung sau: Đánh giá việc hồ sơ đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại Điều 9; đánh giá phương án/Phương án thử nghiệm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị quyết này; Đề cương quy chế thử nghiệm đối với sản phẩm thử nghiệm và các vấn đề cần lưu ý trong trường hợp cho phép thử nghiệm.; các nội dung tổ chức tham gia thử nghiệm cần phải giải trình, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); kết luận về việc đồng ý hay không đồng ý cho phép thử nghiệm có kiểm soát

- Đại diện tổ chức đề nghị cấp phép giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.

- Các thành viên Hội đồng thẩm định cho ý kiến đánh giá bằng phiếu đánh giá.

- Các tiêu chí đánh giá bao gồm:

+ Tính cần thiết của việc thử nghiệm;

+ Tính đổi mới sáng tạo ở Việt Nam trong lĩnh vực mà pháp luật chưa quy định, chưa cho phép thực hiện hoặc hoặc quy định hiện hành của pháp luật không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của giải pháp công nghệ mới được đề xuất thử nghiệm

+ Khả năng giải quyết các vấn đề cụ thể (về xã hội, kinh tế, môi trường), mang lại lợi ích, giá trị cho cộng đồng, xã hội;

+ Năng lực của tổ chức, cá nhân đăng ký thử nghiệm: cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, thiết bị, máy móc, văn phòng, nhà xưởng, tài sản sở hữu trí tuệ chính… hiện có; nhân lực, lực lượng lao động hiện có; đội ngũ nhân sự chính tham gia trong quá trình thử nghiệm; khả năng đáp ứng về tài chính;

+ Tính phù hợp với nguồn lực, hệ thống cơ sở hạ tầng của địa điểm/không gian đề xuất thử nghiệm;

+ Đánh giá về khả năng không làm ảnh hưởng đến tính bảo mật, an ninh, quốc phòng và không làm ảnh hưởng đến lợi ích của Người dùng. Không sử dụng hoặc cung cấp các giải pháp công nghệ mới có rủi ro gây ảnh hưởng đến an ninh tiền tệ của Nhà nước; không sử dụng hoặc cung cấp các giải pháp công nghệ mới có rủi ro gây mất khả năng quản lý an toàn thông tin, dữ liệu mà không có phương án bảo mật và đảm bảo an toàn dữ liệu hiệu quả; không cung cấp các giải pháp công nghệ mới có các tính năng, công dụng hoặc hình thức hoạt động tương tự như các sàn giao dịch chứng khoán mà không có các phương án quản lý định danh Người dùng rõ ràng và hợp pháp. Đối với các dịch vụ thử nghiệm trực tuyến cần có xác minh danh tính Người dùng qua các phương thức trực tuyến an toàn và minh bạch, đảm bảo lưu trữ dữ liệu và quản lý rủi ro.

+ Tính hợp lý và tính khả thi của kế hoạch thử nghiệm;

+ Khả năng hoàn thiện giải pháp và mở rộng ứng dụng ở Việt Nam sau khi kết thúc thử nghiệm;

+ Giá trị, lợi ích của kết quả, sản phẩm;

+ Hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường;

+ Đánh giá về quy trình vận hành, quản lý rủi ro và phương án khắc phục; khả năng phù hợp với năng lực kiểm soát của thành phố; cơ chế giải quyết khiếu nại của người dùng và tổ chức có liên quan trong quá trình thử nghiệm

+ Đánh giá về chiến lược phát triển sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm.

- Hồ sơ được đánh giá đạt khi tất cả các tiêu chí đánh giá được đánh giá đạt. Hồ sơ được đánh giá không đạt khi có 01 hoặc nhiều hơn các tiêu chí đánh giá được đánh giá không đạt.

- Hội đồng thẩm định đánh giá đạt khi có trên 3/4 thành viên Hội đồng thẩm định tham gia họp đánh giá đạt.

- Hội đồng thẩm định thống nhất đề xuất quy chế thử nghiệm đối với sản phẩm thử nghiệm đề nghị thử nghiệm và các vấn đề cần lưu ý trong trường hợp cho phép thử nghiệm.

- Kết quả cuộc họp của Hội đồng thẩm định được lập thành biên bản và có ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

**4.** **Trình tự thẩm định đề nghị điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm, phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm hoặc gia hạn thời gian thử nghiệm có kiểm soát** *(Khoản 2 Điều 11 Nghị Quyết này)*

a) Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm gửi hồ sơ cho thành viên Hội đồng thẩm định tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước cuộc họp Hội đồng thẩm định Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm, phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm hoặc Đơn đề nghị gia hạn thử nghiệm; Báo cáo tiến độ thực hiện thử nghiệm; Phương án thử nghiệm có kiểm soát đã được phê duyệt; Phiếu ý kiến thẩm định và đánh giá.

b) Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và chuẩn bị ý kiến thẩm định trước cuộc họp Hội đồng thẩm định.

c) Phiên họp Hội đồng thẩm định:

- Phương thức họp: họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến

- Phiên họp của Hội đồng thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng.

- Chủ tịch chủ trì phiên họp Hội đồng thẩm định.

- Đại diện tổ chức thực hiện thử nghiệm báo cáo tiến độ thực hiện, kết quả đạt được theo tiến độ, khó khăn vướng mắc trong quá trình thử nghiệm, lý do đề nghị điều chỉnh sản phẩm thử nghiệm, phạm vi thử nghiệm, không gian thử nghiệm hoặc gia hạn thời gian thử nghiệm.

- Các thành viên dự họp cho thảo luận, cho ý kiến về các nội dung sau: Thẩm định, đánh giá hồ sơ; Đề nghị tổ chức thực hiện thử nghiệm giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến hồ sơ thuyết minh; Xác định các rủi ro và đề xuất biện pháp quản lý, khắc phục trong điều chỉnh sản phẩm, phạm vi, không gian thử nghiệm; Vấn đề về thực trạng pháp luật, miễn trừ và miễn áp dụng pháp luật; Các vấn đề cần lưu ý trong trường hợp đồng ý điều chỉnh hoặc gia hạn thử nghiệm.

- Đại diện tổ chức thực hiện thử nghiệm đề nghị cấp phép giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.

- Các thành viên Hội đồng thẩm định cho ý kiến thẩm định bằng phiếu thẩm định.

- Hội đồng thẩm định và đánh giá thống nhất kết quả thẩm định đạt yêu cầu khi có trên 3/4 thành viên tham gia thẩm định đạt yêu cầu; thống nhất kết quả thẩm định không đạt yêu cầu trong các trường hợp còn lại.

- Kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định được lập thành biên bản và có ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

**5. Trình tự thẩm định và đánh giá việc dừng, chấm dứt thử nghiệm có kiểm soát** *(Khoản 2, Điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị Quyết này)*

a) Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm gửi hồ sơ cho thành viên Hội đồng thẩm định tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước cuộc họp Hội đồng thẩm định. Hồ sơ bao gồm: Văn bản tạm dừng hoạt động thử nghiệm có kiểm soát, Báo cáo tiến độ thực hiện thử nghiệm hoặc báo cáo kết quả thử nghiệm; Bản sao phương án thử nghiệm có kiểm soát đã được phê duyệt; Phiếu ý kiến thẩm định và đánh giá.

b) Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và chuẩn bị ý kiến thẩm định trước cuộc họp Hội đồng thẩm định.

c) Phiên họp Hội đồng thẩm định:

- Phương thức họp: họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến

- Phiên họp của Hội đồng thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng.

- Chủ tịch chủ trì phiên họp Hội đồng thẩm định.

- Đại diện tổ chức thực hiện thử nghiệm báo cáo tiến độ thực hiện, kết quả đạt được theo tiến độ, khó khăn vướng mắc trong quá trình thử nghiệm, lý do vi phạm.

- Các thành viên dự họp cho thảo luận, cho ý kiến về các nội dung sau: Thẩm định, đánh giá hồ sơ; Đề nghị tổ chức thực hiện thử nghiệm giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến hồ sơ thuyết minh; Đánh giá các trường hợp chấm dứt thử nghiệm, đánh giá các vi phạm dẫn đến chấm dứt thử nghiệm, các ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng, môi trường, an ninh trật tự xã hội, rủi ro, thiệt hại phát sinh trong quá trình thử nghiệm.

- Đại diện tổ chức thực hiện thử nghiệm đề nghị cấp phép giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.

- Các thành viên Hội đồng thẩm định cho ý kiến thẩm định bằng phiếu thẩm định.

- Hội đồng thẩm định và đánh giá thống nhất kết quả thẩm định đạt yêu cầu khi có trên 3/4 thành viên tham gia thẩm định đạt yêu cầu; thống nhất kết quả thẩm định không đạt yêu cầu trong các trường hợp còn lại.

- Kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định được lập thành biên bản và có ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

6. **Trình tự thẩm định và đánh giá việc hoàn thành thử nghiệm có kiểm soát *(****Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 13 Nghị quyết này)*

a) Cơ quan hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm gửi hồ sơ cho thành viên Hội đồng thẩm định tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước cuộc họp Hội đồng thẩm định. Hồ sơ bao gồm: Báo cáo kết thúc thử nghiệm có kiểm soát; Bản sao phương án thử nghiệm có kiểm soát đã được phê duyệt; Phiếu ý kiến thẩm định và đánh giá.

b) Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và chuẩn bị ý kiến thẩm định trước cuộc họp Hội đồng thẩm định.

c) Phiên họp Hội đồng thẩm định:

- Phương thức họp: họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến

- Phiên họp của Hội đồng thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó phải có Chủ tịch hội đồng.

- Chủ tịch chủ trì phiên họp Hội đồng thẩm định.

- Đại diện tổ chức thực hiện thử nghiệm báo cáo kết thúc thử nghiệm có kiểm soát theo tiến độ, khó khăn vướng mắc trong quá trình thử nghiệm, kết quả đạt được.

- Các thành viên dự họp cho thảo luận, cho ý kiến về các nội dung sau: Thẩm định, đánh giá hồ sơ; Đề nghị tổ chức thực hiện thử nghiệm giải trình, làm rõ các nội dung liên quan đến báo cáo kết thúc thử nghiệm; Đánh giá các kết quả đạt được trong thời gian thử nghiệm; giá trị, lợi ích của kết quả, sản phẩm; Hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường; đánh giá về chiến lược phát triển sản phẩm sau khi kết thúc thử nghiệm...

- Đại diện tổ chức thực hiện thử nghiệm đề nghị cấp phép giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định.

- Các thành viên Hội đồng thẩm định cho ý kiến thẩm định bằng phiếu thẩm định.

- Hội đồng thẩm định và đánh giá thống nhất kết quả thẩm định đạt yêu cầu khi có trên 3/4 thành viên tham gia thẩm định đạt yêu cầu; thống nhất kết quả thẩm định không đạt yêu cầu trong các trường hợp còn lại.

- Kết quả cuộc họp Hội đồng thẩm định được lập thành biên bản và có ký xác nhận của các thành viên tham gia họp.

**PHỤ LỤC III**

**MẪU ĐỀ CƯƠNG QUY CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND của HĐND Thành phố)*

**1. Căn cứ pháp lý**

-Luật Thủ đô năm 2024;

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt Phương án/Phương án thử nghiệm có kiểm soát; Quyết định của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy phép thử nghiệm có kiểm soát (sản phẩm thử nghiệm)

- Các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực công nghệ/ mô hình kinh doanh được thử nghiệm không được miễn trừ áp dụng trong quá trình thử nghiệm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

**2. Thông tin chung về sản phẩm thử nghiệm theo phương án thử nghiệm đã được phê duyệt**

- Đối tượng thử nghiệm: Sản phẩm thử nghiệm trong lĩnh vực [...].

- Tổ chức thực hiện thử nghiệm: *(Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây dựng hoặc vận hành sản phẩm thử nghiệm);*

- Tổ chức tham gia thử nghiệm: (*trực tiếp, gián tiếp*)

 -Thời gian thử nghiệm: (*không quá 36 tháng, được gia hạn tối đa 1 lần*)

- Địa bàn thử nghiệm: Trên địa bàn TP Hà Nội hoặc trong không gian thử nghiệm xác định cụ thể (*khu vực địa lý, không gian mạng thử nghiệm*); thị trường ngách...

- Nhóm người dùng sản phẩm thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm

**3. Những quy định của pháp luật được miễn áp dụng trong quá trình thử nghiệm theo quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.**

**4. Quy định cụ thể về sử dụng sản phẩm dịch vụ, mô hình kinh doanh mới thử nghiệm theo phương án/phương án được phê duyệt**

**5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp thực hiện**

- Cơ quan chủ trì: [...], tổ chức thực hiện và quản lý thử nghiệm.

- Đơn vị hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm.

**-** Cơ quan phối hợp**:** [...], giám sát, tư vấn và hỗ trợ triển khai.

**6. Quyền, nghĩa vụ thực hiện các cam kết trách nhiệm của đơn vị thực hiện thử nghiệm,** bao gồm cảmua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (nếu có)

**7.** **Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm**

**8. Quyền lợi và trách nhiệm của người dùng**

**9. Phương án phòng ngừa, xử lý rủi ro và trách nhiệm pháp lý**

- Phương án phòng ngừa và cảnh báo rủi ro:

- Phân tích và quản trị các rủi ro về công nghệ/ mô hình kinh doanh, bao gồm cả vi phạm quyền riêng tư, xử lý dữ liệu không an toàn…

- Phương án khắc phục hậu quả do rủi ro gây ra; phạm vi, mức và phương thức bồi thường thiệt hại theo quy định và cam kết đã ký với người dùng.

- Trên cơ sở báo cáo của đơn vị hướng dẫn, kiểm soát thử nghiệm, cơ quan chủ trì có quyền đình chỉ thử nghiệm nếu ảnh hưởng đến an ninh, an toàn xã hội, sức khỏe cộng đồng.

- Giải quyết khiếu nại của người dùng (đầu mối tiếp nhận khiếu nại; giải quyết và phản hồi kết quả giải quyết khiếu nại cho người dùng)

 **10. Giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thử nghiệm**

- Khuyến khích các bên liên quan giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải.

- Trường hợp không hòa giải được, có thể lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp theo thỏa thuận trong bản đăng ký cấp phép thử nghiệm, bao gồm: trọng tài, tòa án, hoặc cơ chế đặc thù (nếu có).

- Trường hợp tranh chấp có yếu tố rủi ro hệ thống,, có nguy cơ gây ảnh hưởng lớn đến an toàn công cộng, trật tự xã hội hoặc quyền lợi của nhiều người dùng, đơn vị hướng dẫn, kiểm soát phải báo cáo cơ quan chủ trì trình Ủy ban nhân dân Thành phố tạm dừng thử nghiệm để xử lý tranh chấp trước khi tiếp tục.

**10. Cơ chế phối hợp, giám sát, đánh giá và tổng kết**

- Cơ quan chủ trì tổ chức giám sát định kỳ tháng, quý, năm và giám sát đột xuất khi có yêu cầu.

- Các tiêu chí đánh giá do cơ quan quản lý ban hành, bao gồm đánh giá sự hài lòng của người dùng và mức độ tương thích với hệ thống pháp luật.

- Tổng kết thử nghiệm gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ quản lý chuyên ngành để đề xuất chính sách, pháp luật liên quan.

**11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện thử nghiệm sau khi kết thúc thử nghiệm**

- Nếu thử nghiệm được Hội đồng thẩm định đánh giá “ Kết quả đạt” : tổ chức chủ trì cần đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật, đưa vào quy chuẩn kỹ thuật, tích hợp với hệ thống pháp luật chính thức.

- Nếu không đạt yêu cầu: chấm dứt thử nghiệm và có biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có),

- Đơn vị thực hiện thử nghiệm phối hợp với cơ quan chức năng trong việc lưu trữ, bảo mật và chuyển giao dữ liệu thử nghiệm.